



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH
NĂM 2024



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH
NĂM 2024

I – Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯƠNG ĐÌNH**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100939 (Đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2015. Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 04 năm 2023).
- Vốn điều lệ: 93.000.000.000 đồng (Chín mươi ba tỷ đồng) được chia thành 9.300.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:
 - + Cổ phần Nhà nước là 6.385.867 cổ phần, tương đương 63.858.670.000 đồng, chiếm 68,67% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là: 1.665.600 cổ phần, tương đương 16.656.000.000 đồng, chiếm 17,91% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 930.000 cổ phần, tương đương 9.300.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần bán công khai là 318.533 cổ phần, tương đương 3.185.330.000 đồng, chiếm 3,42% vốn điều lệ.
- Địa chỉ: số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 0243.8541262; 0243.8544312; 0243.8544680
- Số fax: 0243.8582063
- Website: <http://www.thuongdinhfootwear.com.vn/>
- Mã cổ phiếu: GTD
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Giày Thương Đình là một doanh nghiệp Nhà nước có tiền thân là Xí nghiệp X30 được thành lập tháng 1/1957, chịu sự quản lý của Cục quân nhu – Tổng cục hậu cần – Quân đội nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ sản xuất mũ cứng và giày vải cung cấp cho quân đội. Cho đến nay, lịch sử Công ty đã trải qua gần 70 năm, gần 70 năm là quãng thời gian gắn bó với lịch sử của đất nước, nhưng đối với lịch sử của một công ty là thời gian đủ để chứng minh Công ty đã trải qua bao khó khăn thử thách, thăng trầm để liên tục phát triển và khẳng định vị thế của mình. Kể từ khi ra đời đến nay, Công ty cổ phần Giày Thương Đình đã trải qua nhiều giai đoạn chính như sau:

- **Giai đoạn 1957 – 1960:** Phân xưởng giày vải đầu tiên được đưa vào sản xuất ngày 19/05/1959 trước sự cố gắng quyết tâm của cán bộ công nhân viên xí nghiệp. Năm 1960 đạt hơn 60 nghìn chiếc mũ, trên 20 nghìn đôi giày vải ngắn cổ.
- **Giai đoạn 1960 – 1972:** Năm 1961 xí nghiệp X30 được chuyển giao cho cục công nghiệp Hà Nội quản lý sau đó sát nhập xí nghiệp với một số cơ sở công ty hợp danh thành lập xí

nghiệp giấy vải Hà Nội. Năm 1970 trong sản lượng 2 triệu đôi giấy vải đã có 390.193 đôi giấy Basket xuất khẩu sang Liên Xô và Đông Âu cũ, với số lượng cán bộ công nhân viên lên đến gần 1000 người.

- **Giai đoạn 1973 – 1989:** Một số phân xưởng tách ra thành lập xí nghiệp theo yêu cầu phát triển của ngành giấy. Tháng 08 năm 1978 xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình được thành lập trên cơ sở sát nhập xí nghiệp Giấy vải Hà Nội và xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình cũ. Nhiệm vụ sản xuất trong thời kỳ này chủ yếu là sản xuất giấy bảo hộ lao động phục vụ quốc phòng và xuất khẩu chủ yếu là giấy Basket cho Liên Xô cũ và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Năm 1989 xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình tách thành hai xí nghiệp giấy vải Thụy Khê và xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình.

- **Giai đoạn 1991 – 2011:**

- Tháng 07 năm 1992 Xí nghiệp chính thức thực hiện chương trình hợp tác xuất khẩu kinh doanh giấy vải xuất khẩu với công ty Kỳ Quốc – Đài Loan, tổng kinh phí đầu tư nhà xưởng, thiết bị sản phẩm là 1,2 triệu USD. Từ đây công suất đạt khoảng 5 triệu đôi/năm.

- Tháng 9 năm 1992 lô hàng đầu tiên của xí nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế được xuất sang thị trường Pháp và Đức. Ngày 08 tháng 07 năm 1993 được sự đồng ý của UBND thành phố Hà Nội, phạm vi chức năng của Xí nghiệp đã mở rộng, trực tiếp xuất khẩu và kinh doanh giấy-dép cũng như các nguyên liệu, máy móc, ngoài ra còn kinh doanh cả du lịch và dịch vụ chính vì vậy Xí nghiệp đổi tên thành “Công ty Giấy Thượng Đình” thông qua giấy phép thành lập Công ty 2753/QĐUB ngày 08 tháng 07 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, giấy phép đăng ký kinh doanh số 10842 cấp ngày 24 tháng 07 năm 1993 do trọng tài kinh tế thành phố Hà Nội, giấy phép kinh doanh xuất khẩu số 2051013 loại hình doanh nghiệp Nhà nước.

- Năm 1996 sản phẩm Công ty đã đạt giải TOPTEN, là một mặt hàng được người tiêu dùng ưa thích nhất do báo Đại đoàn kết đứng ra tổ chức.

- Đầu năm 1999 được cấp chứng chỉ ISO 9002:2000 của tổ chức QUACERT (cơ quan chứng nhận của tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam) và tổ chức PSD Singapore (thành viên chính thức của tập đoàn chứng nhận quốc tế IQNET), ngoài ra Công ty còn nhiều giải thưởng khác nữa.

- Cuối năm 2002 Công ty đã lắp mới đồng bộ và đưa vào sử dụng 2 dây chuyền sản xuất giấy thể thao với công suất hơn 2 triệu đôi giấy/năm. Áp dụng công nghệ và trang bị của Hàn Quốc với sản phẩm mới này Công ty được đánh giá là một doanh nghiệp phát triển mạnh, năng động, sáng tạo thích nghi với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tháng 07/2004, công ty Giấy Thượng Đình thành lập thêm nhà may Giấy Da xuất khẩu tại khu công nghiệp Đồng Văn – Hà Nam.

- Ngày 26/07/2005, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH NN MTV Giấy Thượng Đình, trực thuộc UBND thành phố Hà Nội theo quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/07/2005 của UBND thành phố Hà Nội.

- Ngày 29/06/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/06/2011 của UBND thành phố Hà Nội.

- **2011 đến nay:**

- Ngày 24/02/2015, Công ty đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình. Công ty đã triển khai thực hiện thành công việc cổ phần hóa doanh nghiệp và chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình.

- Ngày 08/06/2015, Công ty tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với tổng số cổ phần chào bán thành công là 1.903.200 cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 48.177 đồng/cổ phần.

- Ngày 25/05/2016, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.

- Ngày 19/07/2016, Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100939, do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 93.000.000.000 đồng.

- Ngày 19/10/2016, Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 7048/UBCK-GSDC của UBCKNN.

- Ngày 26/10/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 127/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 9.300.000 cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:**

Hiện nay, Công ty đang đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh, nhưng hoạt động của Công ty tập trung vào một số ngành nghề kinh doanh chính cụ thể như sau:

+ Sản xuất giấy dếp – Mã ngành 1520

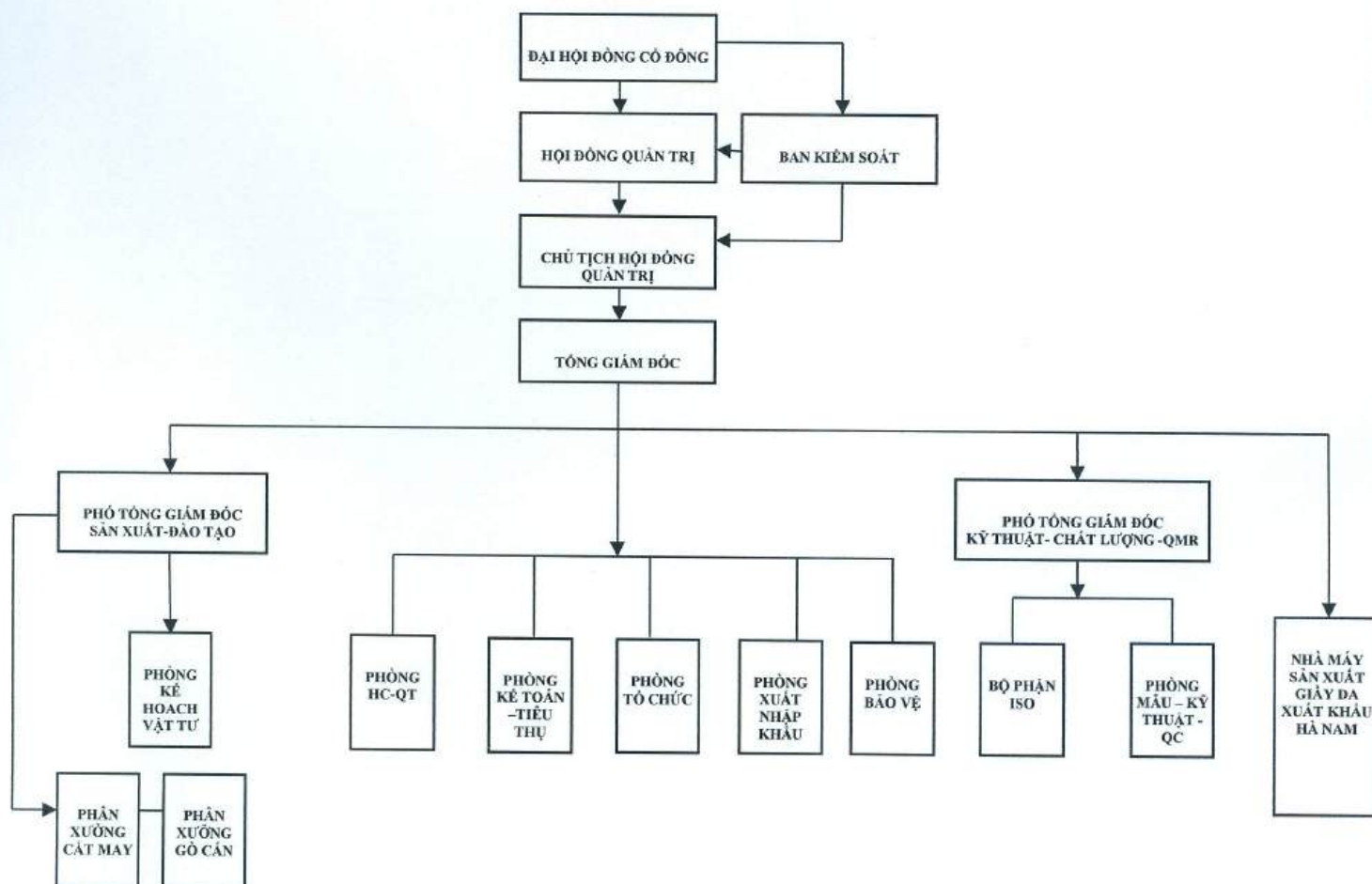
+ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh – Mã ngành 8299

- **Địa bàn kinh doanh:**

Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Và chủ yếu xuất khẩu sang thị trường các nước EU, châu Úc và một số nước châu Á như Nhật bản, Hàn quốc,...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình hoạt động theo mô hình tổ chức Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Mô hình tổ chức của Công ty như sau:



b. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:

• Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm.
- Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

- Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát. Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban Kiểm soát.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty (nếu có).
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty theo quy định của pháp luật.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

• **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác (Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, Kế toán trưởng); quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

• **Ban Kiểm soát (BKS)**

Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 thành viên, nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- BKS thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của công ty.
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

• **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người đại theo pháp luật của công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người trợ giúp cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Theo biên chế, Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình hiện tại gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

• **Bộ máy quản lý nghiệp vụ của Công ty được tổ chức thành các phòng:**

- Phòng Xuất nhập khẩu
- Phòng Kế hoạch vật tư
- Phòng Kế toán - Tiêu thụ
- Phòng Tổ chức
- Phòng Hành chính Quản trị
- Phòng Bảo vệ
- Phòng Mẫu – Kỹ thuật - QC

Trong đó, các bộ phận sản xuất được chia thành các đơn vị:

- Phân xưởng Cắt May (tháng 11/2024 sáp nhập PX Cắt và PX May)
- Phân xưởng Gò Cán
- Nhà máy Hà Nam

c. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

* Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi là sản phẩm kinh doanh giấy dếp các loại, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, quản lý tốt chi phí sản xuất.

- Đảm bảo lợi ích của các cổ đông, người lao động và sự phát triển bền vững của công ty.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tổ chức, cơ cấu lại sản xuất kinh doanh thu hẹp sản xuất, dừng sản xuất các sản phẩm tiêu thụ chậm và không hiệu quả. Tập trung vào các sản phẩm có thể mạnh và sức tiêu thụ tốt.

- Đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

* Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty:

- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của công ty.

- Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi công ty cư trú bằng các hình thức đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương cơ quan cấp trên hoạt động.

- Chăm lo đời sống tinh thần, thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động trong công ty.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội tại công ty như: Đảng, Công đoàn.

- Thực hiện các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng theo nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

5. Các nhân tố rủi ro

- Khủng hoảng kinh tế do lạm phát, chiến tranh.

- Rủi ro về thị trường: Đơn hàng xuất khẩu giảm, thị trường trong nước bị cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong và ngoài nước.

- Thị trường lao động luôn biến động, không ổn định.

- Sự cạnh tranh về giá cả giữa các nước sản xuất giấy dếp trong bối cảnh khó khăn về kinh tế dẫn đến giá bán sản phẩm tiêu thụ giảm trong khi đó chi phí sản xuất gồm nguyên vật liệu, tiền lương và các chi phí khác tăng liên tục.

II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động trong năm

Năm 2024 là một năm sản xuất kinh doanh công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình chiến tranh và khủng hoảng kinh tế trên thế giới.

• Về đơn hàng và thị trường: Đã tích cực tìm kiếm đơn hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của chiến tranh trên thế giới, lạm phát cho nên đơn hàng không ổn định. Đặc biệt là công ty không đáp ứng được yêu cầu đánh giá trách nhiệm xã hội do hệ thống PCCC của công ty không đủ tiêu chuẩn để thẩm duyệt, nhà xưởng và máy móc thiết bị đã cũ nên khách hàng xuất khẩu không thể đặt đơn hàng do vậy số lượng đơn hàng xuất khẩu vẫn giảm mạnh, chỉ còn các đơn hàng gia công nhỏ, lẻ. Đối với thị trường nội địa, bên cạnh hình thức bán hàng truyền thống tại các cửa hàng đại lý, công ty đã triển khai việc quảng bá thương hiệu, mở rộng thêm các kênh bán hàng trên mạng, tìm kiếm khách hàng đặt hàng mới, có một số chính sách kích cầu tiêu thụ nhưng sản lượng tiêu thụ chỉ bằng 85,5% so với năm 2023 và chưa đạt kế hoạch đề ra cho năm 2024.

• Về công tác sản xuất, chất lượng:

- Công tác sản xuất: Bám sát kế hoạch sản xuất, tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu giao hàng các mã giấy xuất khẩu. Đối với giấy nội địa, tổ chức sản xuất linh hoạt đáp ứng đủ chủng loại, cỡ số theo yêu cầu bán hàng và phù hợp với điều kiện về chuẩn bị vật tư.

- Công tác chất lượng: Cơ bản đáp ứng được yêu cầu, tuy nhiên khách hàng có lúc còn phản nản về công tác kiểm soát chất lượng tại các quá trình và chất lượng của một số đơn hàng, kể cả xuất khẩu và trong nước.

- Công tác kỹ thuật công nghệ, thiết bị:

- Nghiên cứu công nghệ và triển khai sản xuất một số chủng loại giấy mới phù hợp với điều kiện máy móc thiết bị, nguồn lực của công ty

- Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất tại Thượng Đình và Hà Nam.

- Công tác tài chính: Công tác tài chính vẫn tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do: số lượng đơn hàng xuất khẩu ít; số lượng tiêu thụ nội địa giảm; một số chi phí tiếp tục tăng như: Bảo hiểm, tiền thuế đất tăng, . . . Ban giám đốc đã phối hợp với các phòng ban chức năng cân đối các khoản thu, các khoản chi trả nhà cung ứng, trả lãi ngân hàng, trả thuế đất, lương, bảo hiểm . . . để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện rất khó khăn.

- Công tác tổ chức: Sắp xếp, bố trí linh động thời gian làm việc và công việc đối với lao động tại các bộ phận phù hợp với yêu cầu. Sáp nhập đơn vị, bổ nhiệm cán bộ phụ trách đơn vị/ bộ phận sau khi có một số cán bộ chủ chốt xin thôi việc. KIỆN TOÀN công tác cán bộ cho Nhà máy Hà Nam. Chuẩn bị hồ sơ cho việc kiện toàn, bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành công ty.

- Công tác di dời sản xuất: Thực hiện theo chủ trương của thành phố, quý 3/ 2024, Công ty đã triển khai và xây dựng phương án di dời sản xuất về nhà máy tại Khu công nghiệp Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam nhưng do chưa có đủ nguồn lực về tài chính (Công ty tự chuẩn bị tài chính, không có sự hỗ trợ của cơ quan/ đơn vị bên ngoài) và có nhiều kiến nghị của người lao động nên đã tạm dừng kế hoạch vào quý 4/ 2024.

- Công tác ANAT, PCCN, PCLB: Thực hiện công tác PCCN, PCLB, đảm bảo ANAT nhà máy.

Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2024

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2024 |
|---|----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 78.948.523.511 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 170.112.280 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 78.778.411.231 |
| Giá vốn hàng bán | 68.512.970.835 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10.265.440.396 |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính | 94.960.877 |

| | |
|--|-----------------|
| Chi phí tài chính | 1.575.967.884 |
| Chi phí bán hàng | 487.824.803 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 19.973.782.700 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | -11.677.174.114 |
| Thu nhập khác | 106.752.129 |
| Chi phí khác | 1.394.761.021 |
| Lợi nhuận khác | -1.288.008.892 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | -12.965.183.006 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN | -12.965.183.006 |

Ghi chú: Số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Tổ chức:

Danh sách ban điều hành:

a. Danh sách Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------|---------|
| 1 | Nguyễn Văn Khiêm | Tổng Giám đốc | |
| 2 | Bùi Tất Thắng | Phó Tổng giám đốc | |
| 3 | Vương Hải Long | Phó Tổng giám đốc | |
| 4 | Phạm Văn Trường | Kế toán trưởng | |

b. Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

• Tổng giám đốc:

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN KHIÊM
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/10/1972
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 4, Ngõ 191/43 Đường Lạc Long Quân, Tổ 9, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- CMTND: 012636037 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 17/10/2011.

8. SDT liên lạc: 0903428260
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không.
12. Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
| 08/1995 - 08/1999 | Phòng XNK - Công ty Giấy Thượng Đình | Nhân viên |
| 09/1999 - 12/2012 | Phòng XNK - Công ty Giấy Thượng Đình | Phó phòng |
| 1/2013 - 18/07/2016 | Phòng XNK - Công ty Giấy Thượng Đình | Trưởng phòng |
| 19/07/2016 - nay | Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình | Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
- Sở hữu cá nhân: 10.700 cổ phần tương ứng 0,12% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà Nội: 1.767.000 Cổ phần, tương ứng 19% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không
15. Các khoản nợ đối với công ty: không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

• **Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **BÙI TẮT THẮNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 31/10/1969
4. Nơi sinh: Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số nhà 27, Ngõ 43, Phố Kim Đồng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
7. CMTND: 012684657 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 16/03/2004.
8. SDT liên lạc: 0913213023

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------------|--|--|
| 10/1992 - 11/1996 | Phòng kế hoạch – Công ty Giấy Thượng Đình | Nhân viên |
| 12/1996 - 12/1999 | Phòng kế hoạch – Công ty Giấy Thượng Đình | Phó phòng |
| 01/2000 - 10/2006 | Phòng sản xuất gia công – Công ty Giấy Thượng Đình | Trưởng phòng |
| 11/2006 - 06/2008 | Phòng kế hoạch – Công ty Giấy Thượng Đình | Trưởng phòng |
| 07/2008 - 18/07/2016 | Phòng kế hoạch – Công ty Giấy Thượng Đình | Trợ lý giám đốc- Trưởng phòng |
| 19/07/2016 - 04/2018 | Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình | Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng, Thành viên HĐQT |
| 04/2018 - nay | Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình | Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 2.200 cổ phần tương ứng 0,024% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 1.023.000 cổ phần, tương ứng 11% vốn điều lệ.
- Sở hữu người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): vợ là: Lưu Thị Hồng Diệp sở hữu 1.800 cổ phần, tương ứng 0,02 % vốn điều lệ. CMTND: 011902690 cấp ngày 15/04/2001 tại Công an Thành phố Hà nội.

15. Các khoản nợ đối với công ty: không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

• **Phó tổng giám đốc**

1. Họ và tên: **VƯƠNG HẢI LONG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 29/07/1976
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số 01B ngõ 27 Phố Thanh Đàm, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.
7. CMTND: 011834220 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 02/08/2008
8. SĐT liên lạc: 0913010599
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|------------------------------------|
| 07/2001 - 6/2004 | Phòng kỹ thuật – Công ty Giấy Thượng Đình | Nhân viên |
| 07/2004 - 12/2020 | Phòng QC – Công ty Giấy Thượng Đình | Trưởng phòng |
| 01/2021 - 05/2021 | Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình | Trợ lý TGD, Trưởng phòng Mẫu-KT-QC |
| 06/2021 - nay | Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình | Phó Tổng giám đốc |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng với 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 1.023.000 cổ phần, tương ứng với 11% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không
15. Các khoản nợ đối với công ty: không.
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không.

• **Kế toán trưởng**

1. Họ và tên: Phạm Văn Trường
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 17/09/1990
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Quảng Phú Cầu - Ứng Hòa – Hà Nội
7. CMTND:001090018387 Nơi cấp: Cục cảnh sát Ngày cấp: 18/12/2021
8. Số điện thoại liên lạc: 0886286655
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ ở công ty: Kế toán trưởng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|--------------------|
| 05/2016 - 02/2021 | Phòng Xuất nhập khẩu - Công ty CP Giấy Thượng Đình | Nhân viên |
| 03/2021 - 06/2022 | Phòng Kế toán&Tiêu thụ - Công ty CP Giấy Thượng Đình | Phó phòng |
| 07/2022 – 07/2023 | Phòng Kế toán&Tiêu thụ - Công ty CP Giấy Thượng Đình | Quyền Trưởng phòng |
| 07/2023 – nay | Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình | Kế toán trưởng |

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 511.500 cổ phần, tương ứng với 5,5% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): Không
15. Các khoản nợ đối với công ty: Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không
17. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

2.2. Nhân sự:

Tính đến 31/12/2024, tổng số lao động của công ty là: 326 người.

Một số chính sách đối với người lao động và những thay đổi trong năm 2024:

Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ phép, việc riêng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kỹ thuật lao động, an toàn bảo hộ lao động.

Ngoài ra, công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động do công đoàn, tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỉ niệm trong năm như quốc tế phụ nữ, quốc tế thiếu nhi, năm mới.

Các chế độ phúc lợi khác:

- Thường các dịp lễ, tết, thưởng cuối năm;
- Tiền ăn giữa ca;
- Bảo hộ lao động;
- Các khoản trợ cấp khác: trợ cấp khó khăn, ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

| Đơn vị: đồng | | | |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Ghi chú |
| Tổng giá trị tài sản | 126.850.208.955 | 120.321.270.571 | |
| Doanh thu thuần | 80.172.235.192 | 78.778.411.231 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -4.087.137.724 | -11.677.174.114 | |
| Lợi nhuận khác | -926.639.185 | -1.288.008.892 | |
| Lợi nhuận trước thuế | -5.013.776.909 | -12.965.183.006 | |
| Lợi nhuận sau thuế | -5.013.776.909 | -12.965.183.006 | |

b. Các chỉ tiêu tài chính khác

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | Ghi chú |
|---|------------|------------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) | 0,912 | 0,829 | |

| | | | |
|--|-----------------|-----------------|--|
| Hệ số thanh toán nhanh ((T.sản ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)) | 0,368 | 0,371 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số nợ/ Tổng tài sản | 0,69 | 0,78 | |
| Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | 2,229 | 3,573 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay của hàng tồn kho | 1,72 | 1,71 | |
| - Giá vốn | 63.908.569.741 | 68.512.970.835 | |
| - Hàng tồn kho bình quân | 37.190.126.052 | 39.973.162.115 | |
| Vòng quay của tổng tài sản | 0,654 | 0,637 | |
| - Doanh thu thuần | 80.172.235.192 | 78.778.411.231 | |
| - Tổng tài sản bình quân | 122.674.725.951 | 123.585.739.763 | |
| 4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | -0,063 | -0,165 | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | -0,128 | -0,493 | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | -0,039 | -0,108 | |
| Hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | -0,051 | -0,148 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty**

| STT | Họ và tên | Số CMT/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ/VĐL |
|-----|---|--|---------------------------------|------------------|-----------|
| 1 | Cổ đông nhà nước: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Các đại diện sở hữu gồm: | Theo Quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 22/5/2021 & 3421/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 | Số 12 Lê Lai, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 6.385.867 | 68,67% |

| | | | | | |
|------------------|---|--------------|--|------------------|---------------|
| | Nguyễn Văn Khiêm | 012636037 | Số 4, ngõ 191/43, đường Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội | 1.767.000 | 19% |
| | Bùi Tất Thắng | 012684657 | Số 27, ngõ 43, Kim Đồng, Hoàng Mai, HN | 1.023.000 | 11% |
| | Vương Hải Long | 011834220 | Số 01B ngõ 27 Phố Thanh Đàm, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội. | 1.023.000 | 11% |
| | Nguyễn Bích Thùy | 001176000760 | Phòng 401 nhà CT6, khu đô thị mới Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội | 1.023.000 | 11% |
| | Nguyễn Thị Ngoan | B9452459 | Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội | 511.500 | 5,5% |
| | Phạm Văn Trường | 001090018387 | Quảng Phú Cầu - Ứng Hòa – Hà Nội | 511.500 | 5,5% |
| | Nguyễn Duy Cường | 012375077 | Phố Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 526.867 | 5,67% |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thái Bình | 0304686687 | Số 263 Phan Chu Trinh, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP HCM | 930.000 | 10% |
| 3 | Nguyễn Văn Nam | 011650891 | 48 Quốc Bảo, Văn Điển, Thanh Trì, Hà nội | 1.030.100 | 11,07% |
| Tổng cộng | | | | 8.345.967 | 89,74% |

- **Danh sách cổ đông sáng lập:** Công ty không có cổ đông sáng lập
- **Cơ cấu cổ đông:**

| STT | Họ và tên | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|-----|--------------------|------------------|------------------|-----------------------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 164 | 9.300.000 | 100% |
| | Tổ chức | 2 | 7.315.867 | 78,67% |
| | Cá nhân | 162 | 1.984.133 | 21,33% |

| | | | | |
|------------------|---------------------------|------------|------------------|-------------|
| II | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| | Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| | Cá nhân | 0 | 0 | 0 |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 164 | 9.300.000 | 100% |

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tác động lên môi trường:

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm.

- Vải các loại: 350.000 m
- Hóa chất:
 - Kếp các loại: 82 tấn
 - Các loại bột độn: 93 tấn
 - Các loại hóa chất: 20 tấn
 - Các loại keo, xử lý: 37 tấn
 - Các loại dung môi: 28 tấn
- Chỉ may: 24.720.000 m
- Vật tư bao bì:
 - Giấy độn, bọc giấy: 10,6 tấn
 - Túi nilon: 729.000 chiếc
 - Thùng carton: 9.350 chiếc
 - Dây giấy: 695.930 đôi

b. Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty.

Công ty tận dụng đề xê, pavia sau khi cắt mũ giấy để thay giấy độn nhồi giấy nội địa thành phẩm nhằm tiết kiệm vật tư

Lượng rác thải: 452 tấn

Tỷ lệ tận dụng: 10%

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tổng điện năng sử dụng: 1.155 nghìn KW

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: sử dụng nguồn nước máy phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Lượng sử dụng: 80 m³/ ngày.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước của Công ty, một phần được tái sử dụng để làm mát máy móc trong quá trình Cán, phần còn lại thải ra cống ngầm Thành phố.

Lượng nước tái sử dụng: 16 m³/ ngày (tương đương 20%)

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty đã tiến hành đo kiểm môi trường 02 lần, đo kiểm nước thải 02 lần. Kết quả quan trắc các thông số nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

Công ty đã được UBND thành phố cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 270/GP – UBND ngày 25/05/2016.

Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng người lao động: 326 người

- Thu nhập bình quân của người lao động: 6.280.000 đồng / tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty thực hiện các chính sách, BHYT, BHXH theo quy định đối với người lao động.

- Trang bị đủ BHLĐ cho người lao động.

- Tổ chức thăm quan, nghỉ dưỡng, bồi dưỡng độc hại cho người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không có.

6.7. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Ủng hộ Quỹ xã hội từ thiện của Công đoàn ngành Công thương: 6.000.000 đồng

- Tham gia gia các hoạt động VHVN, TDTT do Quận, Khối, Công đoàn ngành công thương, Thành phố tổ chức.

6.8. Hoạt động thị trường vốn xanh: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của ban giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

* Các chỉ tiêu hợp nhất:

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | So Sánh |
|--------------------------------------|----------------|-----------------|---------|
| Doanh thu thuần | 80.172.235.192 | 78.778.411.231 | |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | -5.013.776.909 | -12.965.183.006 | |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | -5.013.776.909 | -12.965.183.006 | |
| Số lao động (người) | 400 | 326 | |
| Thu nhập bình quân/ đầu người/ tháng | 6.500.000 | 6.280.000 | |

- Năm 2024 được ban Tổng Giám đốc đánh giá là năm gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng tình hình khủng hoảng kinh tế và chiến tranh trên thế giới nên đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh. Đơn hàng xuất khẩu không thuận lợi, thị trường nội địa bị cạnh tranh gay gắt. Bên cạnh đó, tình hình lao động biến động theo xu hướng giảm đặc biệt là công nhân sản xuất trực tiếp giảm so với năm 2023. Ngoài ra, các chi phí sản xuất tăng cao như chi phí tiền lương, thuê đất, BHXH,... Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo cùng Ban Giám đốc đã tìm mọi biện pháp ổn định sản xuất. Cụ thể, chỉ tiêu doanh thu thuần đạt 98,26% so với cùng kỳ và đạt 79,15% so với kế hoạch. Công ty đã nỗ lực cố gắng để đảm bảo đủ việc cho người lao động với thu nhập bình quân 6.280.000 đồng/tháng/người đạt 97% so với cùng kỳ.

2. Tình hình tài chính

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

2.1. Khấu hao tài sản cố định:

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

| Loại tài sản | Thời gian khấu hao |
|---------------------------|--------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 05 – 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 10 năm |

| | |
|-------------------------------|--------|
| Tài sản cố định hữu hình khác | 08 năm |
|-------------------------------|--------|

2.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

- Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

2.3. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

| Đơn vị: đồng | | |
|--|---------------|----------------|
| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
| - Thuế GTGT | 1.751.396.355 | 2.572.757.075 |
| - Thuế xuất khẩu, nhập khẩu | - | 19.404.682 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | - |
| - Tiền thuê đất | 171.886.654 | 9.621.571.173 |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 7.000.000 | 4.000.000 |
| Tổng | 1.930.283.009 | 12.217.732.930 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 và năm 2024

2.4. Tình hình công nợ hiện nay:

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn, dài hạn tại 31/12/2023, và 31/12/2024:

Báo cáo thường niên 2024

Đơn vị: đồng

| Chi tiêu | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | |
|--|----------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 22.997.470.811 | 22.997.470.811 | 27.824.591.436 | 27.824.591.436 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công (*) | 22.997.470.811 | 22.997.470.811 | 22.024.591.436 | 22.024.591.436 |
| Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại Thái Bình | - | - | 5.800.000.000 | 5.800.000.000 |
| Vay dài hạn | 315.000.000 | 315.000.000 | 1.135.000.000 | 1.135.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 315.000.000 | 315.000.000 | 135.000.000 | 135.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại Thái Bình | - | - | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Tổng | 23.312.470.811 | 23.312.470.811 | 28.959.591.436 | 28.959.591.436 |

2.5. Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | | |
| Phải thu khách hàng | 25.240.129.346 | 27.548.872.213 |
| Trả trước cho người bán | 745.831.062 | 802.486.765 |
| Phải thu khác | 1.409.925.592 | 1.387.969.592 |
| Dự phòng khoản phải thu khó đòi | - | - |
| Tổng | 27.395.886.000 | 29.739.328.570 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2023 và 2024.

Nợ xấu của Công ty cổ phần giày Thượng Đình tại thời điểm 31/12/2024:

| Đối tượng công nợ | 31/12/2024 | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Đối tượng nợ |
| Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại; Đỗ Thị Hòa; Nguyễn Khánh Toàn (*) | 11.362.576.868 | Phát sinh từ năm 2014 |
| NEXT PLC | 877.172.996 | |
| Công ty CP Đầu tư thương mại Thịnh Anh | 363.632.852 | |
| NOVEL SHOES CO.LTD | 542.321.091 | |
| Các đối tượng khác | 1.492.756.209 | |
| Tổng | 14.638.460.016 | |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty cổ phần giày Thượng Đình.

(*) Đây là các khoản phải thu do bà Đỗ Thị Hòa đứng tên chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ (trong đó ông Nguyễn Khánh Toàn là con rể bà Hòa; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại do bà Hòa làm giám đốc).

2.6. Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|-----|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Nợ ngắn hạn | | |
| 1 | Phải trả người bán | 24.457.020.388 | 21.747.378.270 |
| 2 | Người mua trả tiền trước | 7.193.526.783 | 4.979.782.074 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 13.760.680.029 | 13.842.475.607 |
| 4 | Phải trả người lao động | 1.641.635.000 | 3.664.160.300 |
| 5 | Phải trả, phải nộp khác | 7.122.378.461 | 10.449.784.357 |
| 6 | Vay và nợ ngắn hạn | 22.997.470.811 | 27.824.591.436 |
| 7 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 8.781.876 | 8.781.876 |
| 8 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 78.000.000 | 358.784.050 |
| | Nợ dài hạn | | |
| 1 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | - | - |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 315.000.000 | 1.135.000.000 |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| | Tổng nợ phải trả | 87.574.493.348 | 94.010.737.970 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2024

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Về cơ cấu tổ chức: Sắp xếp lại một số bộ phận phòng ban và phân xưởng phù hợp với biến động lao động, tình hình đơn hàng.
- Về chính sách; Chưa có cải tiến mới.
- Về công tác điều hành, quản lý: Chưa có cải tiến mới.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Tập trung nguồn lực phát triển thị trường mới, đa dạng mẫu mã sản phẩm với hàm lượng chất xám, giá trị kinh tế cao. Duy trì ổn định các khách hàng, thị trường, sản phẩm truyền thống. Tăng cường các biện pháp quản lý giám sát để giảm các chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chủ động nắm bắt các công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất giấy dép...Xây dựng chiến lược phát triển ngành nghề là thế mạnh của Công ty, nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của Công ty.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình giải trình những ý kiến ngoại trừ được nêu trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 như sau:

Đối với khoản công nợ phải thu tồn đọng, trong đó có 11.362.083.868 đồng thuộc về Công ty TNHH thương mại BHLĐ và giấy dếp các loại, Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình đã tổ chức nhiều cuộc họp tìm giải pháp việc thúc đẩy thu hồi công nợ. Hàng năm, Công ty đều có đơn gửi lên bộ phận Thi hành án Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để tiếp tục xác minh khi phát hiện Công ty TNHH Thương mại BHLĐ giấy dếp các loại có điều kiện thi hành án, yêu cầu xử lý thi hành bản án. Đề xuất bộ phận Thi hành án Tòa án Nhân dân Quận Thanh xuân sắp xếp buổi làm việc giữa 3 bên để đưa ra hướng giải quyết. Công ty đã mời bà Đỗ Thị Hòa (nguyên là giám đốc Công ty thương mại BHLĐ giấy dếp các loại) đến trụ sở công ty để làm việc trực tiếp, bà Hòa đã cam kết tiếp tục bán hàng để thanh toán công nợ. Công ty TNHH Thương mại BHLĐ giấy dếp các loại đã có đơn đề nghị tiếp tục được kinh doanh các sản phẩm của Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình, và sẽ thanh toán thêm 1.500 đồng/đôi trên số lượng mua từng lần để trả nợ. Tính từ ngày 01/10/2017 đến 31/12/2024, công ty đã thu hồi được 1.030.007.300 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi triệu không trăm linh bảy nghìn ba trăm đồng). Công ty vẫn đang nỗ lực đốc thúc và tin tưởng trong thời gian tới sẽ thu hồi được khoản công nợ: 11.362.576.868 đồng.

6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của Công ty không chỉ đảm bảo chất lượng chất lượng tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường, thành công luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn cụ thể.

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng.

- Chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, đảm bảo độ đồng đều và ổn định.

- Tất cả các sản phẩm do công ty sản xuất trong môi trường làm việc phù hợp với các yêu cầu về trách nhiệm xã hội và điều kiện lao động của nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cùng với quá trình phát triển sản xuất, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tới tác động xấu đến môi trường. Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến tác động của môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2024, do tình hình chiến tranh & khủng hoảng kinh tế trên thế giới đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, Công ty đã cố gắng tìm nhiều giải pháp duy trì sản xuất, cơ bản đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. An ninh trật tự, an toàn doanh nghiệp được đảm bảo. Các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động. Ngoài ra Công ty còn tích cực tham gia hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương khi có điều kiện.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Năm 2024, là năm sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn. Số lượng đơn hàng xuất khẩu và sản lượng tiêu thụ nội địa vẫn tiếp tục giảm, ảnh hưởng đến thu nhập, việc làm và tình hình SXKD của công ty. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc công ty đã tìm mọi biện pháp như: tìm kiếm đơn hàng xuất khẩu, các đơn hàng gia công, mở rộng thêm các kênh bán hàng tiêu thụ nội địa . . . nhưng do nhà xưởng cũ, lâu ngày nên hệ thống PCCC của công ty không đủ điều kiện để thẩm duyệt, không đáp ứng được yêu cầu đánh giá trách nhiệm xã hội của khách hàng xuất khẩu nên đơn hàng xuất khẩu giảm mạnh đến gần như không có, chỉ còn các đơn hàng gia công nhỏ, lẻ. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng giấy lưu hóa của người dân trong nước giảm nên số lượng tiêu thụ không nhiều. . . Từ đó làm cho nguồn tài chính của công ty càng trở lên eo hẹp, thiếu hụt.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Năm 2025, Công ty tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn: Đơn hàng xuất khẩu sẽ rất ít do điều kiện của công ty chưa đáp ứng được yêu cầu đánh giá của khách hàng. Thị trường nội địa vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện. Các đơn hàng gia công đa phần nhỏ, lẻ, đơn giá thấp không bù đắp được các chi phí sản xuất. Nhà xưởng, máy móc thiết bị cũ, chưa có điều kiện để nâng cấp, thay thế; lao động đa phần nhiều tuổi, năng suất lao động thấp. Bên cạnh đó là các chi phí cao về bảo hiểm, tiền lương, thuế đất . . . , Hoạt động của HĐQT tập trung vào những nhiệm vụ sau:

- Chuẩn bị các điều kiện để tiến hành ĐHĐCĐ thường niên
- Duy trì chế độ họp, thông tin, báo cáo, điều hành, giám sát theo quy định
- Chỉ đạo, phối hợp cùng Ban điều hành thực hiện các chủ trương, giải pháp để duy trì hoạt động SXKD của Công ty:

- Với điều kiện thực tế của Công ty hiện nay như cơ sở vật chất, nhà xưởng, máy móc thiết bị... do vậy rất khó nhận đơn hàng trực tiếp từ khách hàng, cho nên đẩy mạnh tìm kiếm đơn hàng gia công xuất khẩu, gia công nội địa có đơn giá phù hợp. Đối với thị trường trong nước, phải có các phương thức, chính sách kích cầu tiêu thụ để tăng doanh thu bán hàng nội địa

- Tìm kiếm đối tác cùng quản lý sản xuất, sắp xếp sản xuất theo mô hình của khách, đặc biệt đối tác Trung Quốc có nhu cầu hợp tác sản xuất kinh doanh

- Tìm kiếm, nghiên cứu, chuyển đổi, gia công thêm mặt hàng sản xuất khác như túi, cặp...để có việc làm kể cả trên Thượng đình và Hà nam cho người lao động cũng như tăng thêm doanh thu
- Ổn định công nghệ, chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường và khách hàng
- Tổ chức, bố trí sắp xếp sản xuất hợp lý đảm bảo hiệu quả và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.
- Chủ động trong việc kiểm soát dòng tiền, minh bạch tài chính, tiết kiệm, có kế hoạch thu chi hợp lý đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh
- Tiếp tục xử lý nợ cũ, khó đòi
- Duy trì hợp tác kinh doanh, kinh doanh dịch vụ dựa vào nguồn lực sẵn có của công ty để tăng nguồn thu cho công ty
- Thực hiện thoái vốn nhà nước giai đoạn đến hết năm 2025 theo kế hoạch của UBND thành phố và hướng dẫn của Sở Tài chính. Đây được xem là công việc trọng tâm vì nếu không thoái phần vốn Nhà nước thì nguy cơ lỗ vốn và mất vốn nhà nước.
- Công tác di dời sản xuất: Tiếp tục tạm dừng việc di dời sản xuất từ nhà máy Thượng đình về nhà máy tại Hà nam cho đến khi có đủ nguồn lực.

V. Quản trị công ty

1. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

| STT | Ngày | Nội dung |
|-----|------------|---|
| 1 | 22/05/2024 | Thông qua: (1) Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023, kế hoạch năm 2024; (2) Báo cáo tài chính năm 2023; (3) Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023; (4) Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023; (5) phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024; (6) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023; (7) Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024; (8) Thông qua Công tác di dời sản xuất tại 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân và đề xuất chủ trương hợp tác kinh doanh khai thác sử dụng các công trình, nhà xưởng tại 277 Nguyễn Trãi. |

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

| S T T | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu là TVHĐQT | Ngày không còn là TVHĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-------------|-----------------|---------|------------------------|--------------------------|---------------------|-------|---------------------|
|-------------|-----------------|---------|------------------------|--------------------------|---------------------|-------|---------------------|

| | | | | | | | |
|---|---------------------|---|------------|--|----|------|--|
| 1 | Nguyễn Văn Khiêm | Thành viên – Phụ trách điều hành hoạt động HĐQT | 27/05/2021 | | 14 | 100% | |
| 2 | Bùi Tất Thắng | Thành viên | 27/05/2021 | | 14 | 100% | |
| 3 | Nguyễn Bích Thủy | Thành viên | 27/05/2021 | | 14 | 100% | |
| 4 | Trần Thị Giang Thủy | Thành viên | 27/05/2021 | | 14 | 100% | |
| 5 | Trần Thị Hồng Sâm | Thành viên | 18/05/2023 | | 14 | 100% | |

a. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận khác của Công ty thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024. Công tác giám sát Ban điều hành được thực hiện thường xuyên, kịp thời đưa ra những chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ khó khăn, bất cập trong hoạt động SXKD.

b. Các quyết định (nghị quyết) của Hội đồng quản trị

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--|--------------------|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 10/01/2024 | - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 4/ 2023 và cả năm 2023. - Xây dựng các chỉ tiêu SXKD và phương hướng, giải pháp năm 2024. - Đề ra các nhiệm vụ SXKD quý 1/ 2024. | 100% |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 06/03/2024 | - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. | 100% |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 09/04/2024 | - Đánh giá kết quả thực hiện SXKD quý 1/ 2024, đề ra các biện pháp thực hiện nhiệm vụ quý 2/ 2024. | 100% |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 22/05/2024 | - Thống nhất việc thanh lý Thỏa thuận nguyên tắc hợp tác kinh doanh về việc “Liên kết thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tại số 277 Nguyễn Trãi và số 74 | 100% |

| | | | | |
|----|------------|------------|--|------|
| | | | Hạ Đình thuộc phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội. | |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 29/05/2024 | - Xây dựng biện pháp, phương hướng thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 về: Chuẩn bị điều kiện, triển khai thực hiện công tác di dời sản xuất về nhà máy thuộc khu Công nghiệp Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam; khai tác, tìm đối tác hợp tác kinh doanh tại 277 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội; Xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu SXKD do việc di dời sản xuất. | 100% |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 09/07/2024 | - Đánh giá kết quả thực hiện SXKD quý 2/ 2024, đề ra các biện pháp thực hiện nhiệm vụ quý 3/ 2024. | 100% |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 12/08/2024 | - Chấp thuận Hợp đồng vay tiền với Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái Bình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình (số tiền 7 tỷ đồng) | 100% |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 22/10/2024 | - Thông qua miễn nhiệm chức vụ Giám đốc nhà máy Hà nam của ông Bùi Tất Thắng kể từ ngày 01/11/2024. - Thông qua bổ nhiệm ông Phan Quang Huy – nhân viên phòng KHVT giữ chức vụ Phó giám đốc phụ trách nhà máy Hà nam kể từ ngày 01/11/2024. | 100% |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 28/10/2024 | - Thông qua việc Hủy hợp đồng vay tiền với Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái Bình (số tiền 7 tỷ đồng). | 100% |
| 10 | 10/NQ-HĐQT | 28/10/2024 | - Đánh giá kết quả thực hiện SXKD quý 3/ 2024, đề ra các biện pháp thực | 100% |

| | | | | |
|----|------------|------------|--|------|
| | | | hiện nhiệm vụ quý 4/ 2024. | |
| 11 | 11/NQ-HĐQT | 05/11/2024 | - Thông qua giao ông Nguyễn Văn Khiêm – Tổng giám đốc tổ chức thực hiện thủ tục để ký kết thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản có liên quan với Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật. | 100% |
| 12 | 12/NQ-HĐQT | 12/11/2024 | - Chấp thuận Hợp đồng vay tiền với Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái Bình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình (số tiền 1 tỷ đồng) | 100% |
| 13 | 13/NQ-HĐQT | 18/12/2024 | - Chấp thuận Hợp đồng vay tiền với Công ty cổ phần đầu tư thương mại Thái Bình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình (số tiền 5,8 tỷ đồng) | 100% |
| 14 | 14/NQ-HĐQT | 30/12/2024 | - Triển khai công tác thoái vốn nhà nước đầu tư tại công ty theo Kế hoạch của Thành phố và các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính. | 100% |

3. Ban kiểm soát

Thông tin về Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

| STT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là TV Ban kiểm soát | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do |
|-----|--------------------------|------------|---|---------------------|-------|-------|
| 1 | Nguyễn Thị Ngoan | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/05/2021 | 02 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Quốc Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/05/2021 | 02 | 100% | |
| 3 | Lê Thị Thanh Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/05/2021 | 02 | 100% | |

a. Hoạt động của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

- Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
- Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết, quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát đã kiểm tra phân tích các số liệu của Báo cáo tài chính, đánh giá các chỉ số và tình hình tài chính của Công ty.

b. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin và tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát.
- Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh và đóng góp ý kiến cho các hoạt động quản trị điều hành Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

Trích báo cáo kiểm toán số 259/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình, được lập ngày 28/3/2025 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Trách nhiệm của ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

3. Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

4. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.2, 5.3 và 5.5 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2024 Công ty có một số khoản công nợ phải thu tồn đọng với giá trị ghi sổ là 14.638.460.016 VND (tại ngày 01/01/2024 là 14.638.460.016 VND), trong đó có khoản công nợ của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại là 11.362.576.868 VND (tại ngày 01/01/2024 là 11.362.576.868 VND). Với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu và giá trị có thể thu hồi của các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

5. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

6. Vấn đề cần nhấn mạnh.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 14.167.825.651 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 12.965.183.006 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh

doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.6 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty có một số hàng tồn kho chậm luân chuyển trong năm với giá gốc tại ngày 31/12/2024 số tiền là 5.044.471.525 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá đây là các loại vật tư dùng cho sản xuất và không bị suy giảm giá trị tại thời điểm ngày 31/12/2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 



NGUYỄN VĂN KHIÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | Trang |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng Cân đối kế toán tổng hợp | 6 - 7 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp | 8 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp | 9 |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp | 10 - 29 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH nhà nước MTV Giày Thượng Đình trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01001100939 ngày 01/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26/4/2023 về việc thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01001100939, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26/4/2023 là: 93.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ đồng chẵn./.*)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUONGDINH FOOTWEAR JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: CÔNG TY GIÀY THƯỢNG ĐÌNH.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã GTD.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|--|
| Ông Nguyễn Văn Khiêm | Thành viên HĐQT - Phụ trách điều hành hoạt động HĐQT |
| Ông Bùi Tất Thắng | Thành viên HĐQT |
| Bà Trần Thị Giang Thủy | Thành viên HĐQT |
| Bà Nguyễn Bích Thủy | Thành viên HĐQT |
| Bà Trần Thị Hồng Sâm | Thành viên HĐQT |

Ban Kiểm soát

| | |
|-----------------------|----------------------|
| Bà Nguyễn Thị Ngoan | Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà Lê Thị Thanh Thủy | Thành viên |
| Ông Nguyễn Quốc Cường | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Khiêm | Tổng Giám đốc |
| Ông Vương Hải Long | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Tất Thắng | Phó Tổng Giám đốc |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Văn Khiêm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số: 259/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình, được lập ngày 28/3/2025 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.2, 5.3 và 5.5 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2024 Công ty có một số khoản công nợ phải thu tồn đọng với giá trị ghi sổ là 14.638.460.016 VND (tại ngày 01/01/2024 là 14.638.460.016 VND), trong đó có khoản công nợ của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dếp các loại là 11.362.576.868 VND (tại ngày 01/01/2024 là 11.362.576.868 VND). Với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu và giá trị có thể thu hồi của các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 14.167.825.651 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 12.965.183.006 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.6 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty có một số hàng tồn kho chậm luân chuyển trong năm với giá gốc tại ngày 31/12/2024 số tiền là 5.044.471.525 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá đây là các loại vật tư dùng cho sản xuất và không bị suy giảm giá trị tại thời điểm ngày 31/12/2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--|------------|------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 68.707.912.319 | 70.478.229.058 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 223.347.952 | 897.106.389 |
| 1. Tiền | 111 | | 223.347.952 | 897.106.389 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 29.739.328.570 | 27.395.886.000 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 27.548.872.213 | 25.240.129.346 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 802.486.765 | 745.831.062 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4 | 1.387.969.592 | 1.409.925.592 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 37.919.719.858 | 42.026.604.372 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.6 | 37.919.719.858 | 42.026.604.372 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 825.515.939 | 158.632.297 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.8 | 751.191.319 | 84.307.677 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.11 | 74.324.620 | 74.324.620 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260) | 200 | | 51.613.358.252 | 56.371.979.897 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 51.453.698.513 | 54.708.355.572 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.7 | 51.453.698.513 | 54.708.355.572 |
| - Nguyên giá | 222 | | 178.902.169.756 | 180.427.201.195 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (127.448.471.243) | (125.718.845.623) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 159.659.739 | 1.663.624.325 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8 | 159.659.739 | 1.663.624.325 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 120.321.270.571 | 126.850.208.955 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 94.010.737.970 | 87.574.493.348 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 82.875.737.970 | 77.259.493.348 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.9 | 21.747.378.270 | 24.457.020.388 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.10 | 4.979.782.074 | 7.193.526.783 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.11 | 13.842.475.607 | 13.760.680.029 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 3.664.160.300 | 1.641.635.000 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 358.784.050 | 78.000.000 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.12 | 10.449.784.357 | 7.122.378.461 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.13 | 27.824.591.436 | 22.997.470.811 |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 8.781.876 | 8.781.876 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 11.135.000.000 | 10.315.000.000 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.12 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.13 | 1.135.000.000 | 315.000.000 |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 26.310.532.601 | 39.275.715.607 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.14 | 26.310.532.601 | 39.275.715.607 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 93.000.000.000 | 93.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 93.000.000.000 | 93.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 357.141.706 | 357.141.706 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (67.046.609.105) | (54.081.426.099) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (54.081.426.099) | (49.067.649.190) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (12.965.183.006) | (5.013.776.909) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 120.321.270.571 | 126.850.208.955 |

Người lập

Phạm Văn Trường

Kế toán trưởng

Phạm Văn Trường

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khiêm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|----|-----|------------------|-----------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 78.948.523.511 | 80.252.572.670 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.1 | 170.112.280 | 80.337.478 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | 6.1 | 78.778.411.231 | 80.172.235.192 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 68.512.970.835 | 63.908.569.741 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 10.265.440.396 | 16.263.665.451 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 94.960.877 | 70.895.170 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 1.575.967.884 | 1.632.404.612 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.419.030.727 | 1.610.533.054 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 487.824.803 | 459.976.993 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 19.973.782.700 | 18.329.316.740 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | (11.677.174.114) | (4.087.137.724) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 106.752.129 | 372.373.909 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.6 | 1.394.761.021 | 1.299.013.094 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | 6.6 | (1.288.008.892) | (926.639.185) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45) | 50 | | (12.965.183.006) | (5.013.776.909) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.7 | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | (12.965.183.006) | (5.013.776.909) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.8 | (1.394) | (539) |

Người lập



Phạm Văn Trường

Kế toán trưởng



Phạm Văn Trường

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khiêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|----|-----|------------------|------------------|
| | | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (12.965.183.006) | (5.013.776.909) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | 02 | | 3.903.282.495 | 3.926.010.991 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 123.090.340 | 184.849 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (89.265.386) | (291.422.412) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 1.419.030.727 | 1.610.533.054 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (7.609.044.830) | 231.529.573 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (2.343.442.570) | 315.515.102 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 4.106.884.514 | (9.672.956.641) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 665.997.974 | 13.200.684.963 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 837.080.944 | (236.700.526) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.418.995.044) | (1.610.533.054) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (5.761.519.012) | 2.227.539.417 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (648.625.436) | (2.733.256.990) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | 88.252.376 | 290.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.013.010 | 1.422.412 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (559.360.050) | (2.441.834.578) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 57.938.239.842 | 56.034.260.561 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (52.291.119.217) | (56.208.384.521) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 5.647.120.625 | (174.123.960) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40) | 50 | | (673.758.437) | (388.419.121) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 897.106.389 | 1.285.528.444 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | (2.934) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61) | 70 | 5.1 | 223.347.952 | 897.106.389 |

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Trường

Phạm Văn Trường

Nguyễn Văn Khiêm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH nhà nước MTV Giày Thượng Đình trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01001100939 ngày 01/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26/4/2023 về việc thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01001100939, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26/4/2023 là: 93.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ đồng chẵn.*)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUONGDINH FOOTWEAR JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: CÔNG TY GIÀY THƯỢNG ĐÌNH.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã GTD.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 326 người (tại ngày 01/01/2024 là 400 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất các loại giày vải, giày thể thao.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có đơn vị phụ thuộc chi tiết như sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---------------------------------------|---|--|
| Nhà máy sản xuất Giày da Xuất khẩu | KCN Đồng Văn, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | Sản xuất các loại giày vải, giày thể thao |

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 14.167.825.651 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 12.965.183.006 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2024.

- (i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|-------------------------------|----------------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 50 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 10 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 08 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm giày và cho thuê nhà xưởng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và bán các loại Giấy và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt | 56.494.511 | 235.366.664 |
| Tiền gửi ngân hàng | 166.853.441 | 661.739.725 |
| Tổng | 223.347.952 | 897.106.389 |

5.2 Phải thu của khách hàng

| | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 27.548.872.213 | 25.240.129.346 |
| Melcosa | 300.840.182 | 465.718.614 |
| Công ty TNHH TM BHLĐ Giấy dép các loại (i) | 11.362.576.868 | 11.362.576.868 |
| Bùi Hưng Diệp | 3.225.426.678 | 3.152.183.618 |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn khác | 12.660.028.485 | 10.259.650.246 |
| Tổng | 27.548.872.213 | 25.240.129.346 |

- (i) Trong số dư phải thu của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại có một số khoản trả hộ cho đối tượng khác, cụ thể:

Theo Văn bản thỏa thuận ngày 14/3/2017 giữa hộ kinh doanh Nguyễn Khánh Toàn; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại và Công ty, Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại sẽ thay hộ kinh doanh Nguyễn Khánh Toàn trả nợ cho Công ty với số tiền là 3.559.629.131 VND.

Cũng theo Văn bản thỏa thuận ngày 14/3/2017 giữa hộ kinh doanh Đỗ Thị Hòa; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại và Công ty; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại sẽ thay hộ kinh doanh Đỗ Thị Hòa trả nợ cho Công ty với số tiền 6.042.076.599 đồng.

Theo Quyết định số 05/2017/QĐST-DS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân công nhận sự thỏa thuận của giữa Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình (nguyên đơn) và Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại (bị đơn) nội dung thỏa thuận như sau: Hai bên xác nhận Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại nợ Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình số tiền 12.392.584.168 đồng, số nợ đã thanh toán trong năm 2017 là 1.000.000.000 VND. Theo Công văn số 10/2018/CV-CT ngày 02/02/2018 của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giấy dép các loại đã xác nhận số tiền còn nợ là 11.372.584.168 VND (số dư tại ngày 31/12/2023 là 11.362.576.868 VND) và cam kết trả nợ cho Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiến hành các thủ tục tiếp theo để thu hồi khoản công nợ này (bao gồm việc yêu cầu thi hành án ngày 22/10/2020); Ngày 20/11/2020, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự Quận Thanh Xuân đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 416/QĐ-CCTHADS. Đồng thời ngày 29/10/2021 Công ty đã có văn bản đề nghị khẩn thiết tới Cơ quan ban ngành liên quan về việc thi hành quyết định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc đang cố gắng trong quá trình thu hồi nợ và tin tưởng rằng khoản công nợ này sẽ thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Việt Hà (i) | 350.000.000 | 350.000.000 |
| Trung tâm Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư xây dựng (i) | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Công ty CP Kiến trúc đô thị Việt Nam (i) | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Các đối tượng khác | 152.486.765 | 95.831.062 |
| Tổng | 802.486.765 | 745.831.062 |

- (i) Là các khoản ứng trước cho người bán liên quan đến dự án xây dựng nhà máy tại Hà Nam, hiện đã dừng thi công.

5.4 Phải thu khác

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 1.387.969.592 | - | 1.409.925.592 | - |
| Phải thu theo biên bản kiểm tra | 814.013.308 | - | 814.013.308 | - |
| Cục thuế Hà Nam (i) | 48.576.000 | - | 70.532.000 | - |
| Tạm ứng | 525.380.284 | - | 525.380.284 | - |
| Phải thu khác | | | | |
| Tổng | 1.387.969.592 | - | 1.409.925.592 | - |

- (i) Là khoản điều chỉnh theo biên bản kiểm tra của Cục thuế tỉnh Hà Nam sau khi đã có phê duyệt chi phí cổ phần hóa và giá trị thực tế vốn góp Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|--------------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | 14.638.460.016 | 14.638.460.016 | 14.638.460.016 | 14.638.460.016 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| | Quá hạn 6 tháng - 01 năm | Quá hạn 01-02 năm | Quá hạn 02-03 năm | Quá hạn trên 3 năm |
| Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại | - | - | - | 11.362.576.868 |
| NEXT PLC | - | - | - | 877.172.996 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thịnh Anh | - | - | - | 363.632.852 |
| NOVEL SHOES CO.LTD | - | - | - | 542.321.091 |
| Các đối tượng khác | - | - | - | 1.492.756.209 |
| Tổng | - | - | - | 14.638.460.016 |

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.380.004.844 | - | 7.922.095.009 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 61.422.284 | - | 60.646.357 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 7.214.127.236 | - | 9.982.031.497 | - |
| Thành phẩm | 23.264.165.494 | - | 24.061.831.509 | - |
| Tổng | 37.919.719.858 | - | 42.026.604.372 | - |

- (i) Giá trị nguyên vật liệu, thành phẩm chậm luân chuyển tại ngày 31/12/2024 là 5.044.471.525 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá đây là các mặt hàng dự trữ cần thiết và không bị suy giảm giá trị tại thời điểm 31/12/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| NGUYÊN GIÁ | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------|------------------|
| | | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2024 | 148.734.996.262 | 29.283.083.554 | 1.715.067.119 | 229.554.260 | 180.427.201.195 | |
| Tăng trong năm | 348.851.231 | 398.000.000 | - | - | 746.851.231 | |
| Mua trong năm | - | 398.000.000 | - | - | 398.000.000 | |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 348.851.231 | - | - | - | 348.851.231 | |
| Giảm trong năm | - | 2.271.882.670 | - | - | 2.271.882.670 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 2.271.882.670 | - | - | 2.271.882.670 | |
| Số dư tại 31/12/2024 | 149.083.847.493 | 27.409.200.884 | 1.715.067.119 | 229.554.260 | 178.902.169.756 | |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2024 | 97.774.532.139 | 25.567.002.727 | 1.683.256.497 | 229.554.260 | 125.718.845.623 | |
| Tăng trong năm | 3.479.012.239 | 395.219.696 | 29.050.560 | - | 3.903.282.495 | |
| Khấu hao trong năm | 3.479.012.239 | 395.219.696 | 29.050.560 | - | 3.903.282.495 | |
| Giảm trong năm | - | 2.173.656.875 | - | - | 2.173.656.875 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 2.173.656.875 | - | - | 2.173.656.875 | |
| Số dư tại 31/12/2024 | 101.253.544.378 | 23.788.565.548 | 1.712.307.057 | 229.554.260 | 127.448.471.243 | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại 01/01/2024 | 50.960.464.123 | 3.716.080.827 | 31.810.622 | - | 54.708.355.572 | |
| Tại 31/12/2024 | 47.830.303.115 | 3.620.635.336 | 2.760.062 | - | 51.453.698.513 | |
| Trong đó: | | | | | | |

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 19.238.199.309 VND (tại ngày 01/01/2024 là: 20.714.504.847 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 34.417.158.505 VND (tại ngày 01/01/2024 là: 36.368.087.841 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Chi phí trả trước

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|----------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 751.191.319 | 84.307.677 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 751.191.319 | 84.307.677 |
| Dài hạn | 159.659.739 | 1.663.624.325 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 159.659.739 | 1.663.624.325 |
| Tổng | 910.851.058 | 1.747.932.002 |

5.9 Phải trả người bán

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | 21.747.378.270 | 21.747.378.270 | 24.457.020.388 | 24.457.020.388 |
| Công ty CP Cao su nhựa 3S | 3.365.360.981 | 3.365.360.981 | 4.689.692.825 | 4.689.692.825 |
| Công ty TNHH Lợi Thành | 1.857.880.248 | 1.857.880.248 | 2.643.893.130 | 2.643.893.130 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Điện | 927.400.900 | 927.400.900 | 1.105.765.400 | 1.105.765.400 |
| Công ty TNHH TMDV Dệt may Thanh Tùng | 1.904.811.810 | 1.904.811.810 | 1.700.588.610 | 1.700.588.610 |
| Phải trả người bán ngắn hạn khác | 13.691.924.331 | 13.691.924.331 | 14.317.080.423 | 14.317.080.423 |
| Tổng | 21.747.378.270 | 21.747.378.270 | 24.457.020.388 | 24.457.020.388 |

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Freedom trading Co.,Inc | 308.717.709 | 295.052.501 |
| Nippon Steel and Sumikin | 470.323.645 | 449.505.045 |
| Central Park | 484.077.493 | 462.650.087 |
| Công ty TNHH Freedom | 1.850.237.556 | 2.190.998.040 |
| Công ty cổ phần Động Lực | 206.720.338 | 2.499.016.336 |
| Các đối tượng khác | 1.659.705.333 | 1.296.304.774 |
| Tổng | 4.979.782.074 | 7.193.526.783 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Thuế và các khoản thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

| | 01/01/2024 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | 31/12/2024 |
|---|-----------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| Phải nộp | 13.760.680.029 | 12.299.528.508 | 12.217.732.930 | 13.842.475.607 |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.607.509.814 | 3.147.903.036 | 2.572.757.075 | 2.182.655.775 |
| Thuế XNK | - | 19.404.682 | 19.404.682 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 582.550 | - | - | 582.550 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 12.152.587.665 | 9.128.220.790 | 9.621.571.173 | 11.659.237.282 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| Phải thu | 74.324.620 | - | - | 74.324.620 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 74.324.620 | - | - | 74.324.620 |

5.12 Phải trả khác

| | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 10.449.784.357 | 7.122.378.461 |
| Kinh phí công đoàn | 2.468.786.286 | 2.169.271.408 |
| Bảo hiểm xã hội | 6.711.954.952 | 4.171.358.522 |
| Bảo hiểm y tế | 114.725.577 | 103.123.546 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 56.076.887 | 45.423.260 |
| Phải trả, phải nộp khác | 1.098.240.655 | 633.201.725 |
| Dài hạn | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty cổ phần HBI (i) | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Tổng | 20.449.784.357 | 17.122.378.461 |

- (i) Là khoản phải trả Công ty Cổ phần HBI tham gia hợp tác đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà ở cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại tại địa chỉ số 277 Nguyễn Trãi và số 74 phố Hạ Đình thuộc phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo thỏa thuận nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 01/2010/TTNTHTKD ngày 11/11/2010 và Ban Tổng Giám đốc đánh giá dự án triển khai đang vướng về mặt thủ tục đầu tư, nguồn vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THƯƠNG ĐÌNH
Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung
quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

| | Phát sinh trong năm | | | | | 01/01/2024 | |
|--|---------------------|----------------|-----------------------|----------------|----------------|------------------|-----------------------|
| | 31/12/2024 | | Số có khả năng trả nợ | | Giảm | Đơn vị tính: VND | |
| | Giá trị | | Tăng | | | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 27.824.591.436 | 27.824.591.436 | 56.938.239.842 | 52.111.119.217 | 22.997.470.811 | 22.997.470.811 | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (1) | 22.024.591.436 | 22.024.591.436 | 51.138.239.842 | 52.111.119.217 | 22.997.470.811 | 22.997.470.811 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thái Bình (2) | 5.800.000.000 | 5.800.000.000 | 5.800.000.000 | - | - | - | |
| Vay dài hạn | 1.135.000.000 | 1.135.000.000 | 1.000.000.000 | 180.000.000 | 315.000.000 | 315.000.000 | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (3) | 135.000.000 | 135.000.000 | - | 180.000.000 | 315.000.000 | 315.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thái Bình (4) | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | - | - | - | |
| Tổng | 28.959.591.436 | 28.959.591.436 | 57.938.239.842 | 52.291.119.217 | 23.312.470.811 | 23.312.470.811 | |
| <i>Vay là các bên liên quan, chi tiết tại Thuyết minh số 7.1</i> | 6.800.000.000 | 6.800.000.000 | 6.800.000.000 | - | - | - | |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/25/CTD/51465 ngày 17/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình và Ngân hàng TCMP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công với hạn mức cho vay là 23.000.000.000 đồng, hiệu lực cấp tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/6/2025, thời hạn cho vay và lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng tại KCN Đồng Văn - Hà Nam theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/TC/GTD-NTTC ngày 25/08/2011; một số máy móc thiết bị của Công ty tại số 277 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội và toàn bộ hàng hóa luân chuyển, các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại của khách hàng với các đối tác.
- (2) Hợp đồng vay tiền số 03/TVB-GTD/2024 tháng 19/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thái Bình. Số dư vay là 5.800.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay từ tháng 11/2024 đến hết ngày 30/4/2025. Lãi suất: 6,2%/năm đến 31/12/2024, khi có điều chỉnh lãi suất thì hai bên sẽ cùng nhau thống nhất và ký hợp đồng.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/17633179/HĐTD tháng 08/2022 giữa Công ty CP Giấy Thương Đình và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức cho vay là 540.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng với lãi suất 9,5%/năm tính từ ngày giải ngân đến hết 31/12/2022, từ ngày 01/01/2023 đến khi tất toán tính theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm: Lò dầu truyền nhiệt 250kw cùng các phụ kiện và Bộ Van dầu nóng điều khiển cùng các loại phụ kiện, toàn bộ Tài sản hình thành từ dự án Thi công cải tạo công trình nhà kho Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình.
- (4) Hợp đồng vay tiền số 02/TVB-GTD/2024 tháng 14/11/2024 giữa Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thái Bình. Số dư vay là 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay từ tháng 11/2024 đến hết ngày 31/12/2026. Lãi suất: 6,2%/năm đến 31/12/2024, khi có điều chỉnh lãi suất thì hai bên sẽ cùng nhau thống nhất và ký hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|----------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------------------|------------------|
| Số dư tại 01/01/2023 | 93.000.000.000 | 357.141.706 | (49.067.649.190) | 44.289.492.516 |
| Lãi trong năm trước | - | - | (5.013.776.909) | (5.013.776.909) |
| Số dư tại 31/12/2023 | 93.000.000.000 | 357.141.706 | (54.081.426.099) | 39.275.715.607 |
| Số dư tại 01/01/2024 | 93.000.000.000 | 357.141.706 | (54.081.426.099) | 39.275.715.607 |
| Lỗ trong năm nay | - | - | (12.965.183.006) | (12.965.183.006) |
| Số dư tại 31/12/2024 | 93.000.000.000 | 357.141.706 | (67.046.609.105) | 26.310.532.601 |

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| UBND Thành phố Hà Nội | 63.858.670.000 | 63.858.670.000 |
| Công ty CP Đầu tư Thương mại Thái Bình | 9.300.000.000 | 9.300.000.000 |
| Các cổ đông khác | 19.841.330.000 | 19.841.330.000 |
| Tổng | 93.000.000.000 | 93.000.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại đầu năm | 93.000.000.000 | 93.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp tại cuối năm | 93.000.000.000 | 93.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

d. Cổ phiếu

| | 31/12/2024 Cổ phiếu | 01/01/2024 Cổ phiếu |
|---|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 9.300.000 | 9.300.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành | 9.300.000 | 9.300.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 9.300.000 | 9.300.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 78.948.523.511 | 80.252.572.670 |
| Tổng | 78.996.523.511 | 80.252.572.670 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Giảm giá hàng bán | 170.112.280 | 80.337.478 |
| Tổng | 170.112.280 | 80.337.478 |
| Doanh thu thuần | | |

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 78.778.411.231 | 80.172.235.192 |
| Tổng | 78.778.411.231 | 80.172.235.192 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ | 68.512.970.835 | 63.908.569.741 |
| Tổng | 68.512.970.835 | 63.908.569.741 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.013.010 | 1.422.412 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 93.947.867 | 69.472.758 |
| Tổng | 94.960.877 | 70.895.170 |

6.4 Chi phí tài chính

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | 1.419.030.727 | 1.610.533.054 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 33.846.817 | 21.686.709 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 123.090.340 | 184.849 |
| Tổng | 1.575.967.884 | 1.632.404.612 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí bán hàng | 487.824.803 | 459.976.993 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 426.455.046 | 459.976.993 |
| Chi phí bằng tiền khác | 61.369.757 | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 19.973.782.700 | 18.329.316.740 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 8.691.275.706 | 9.630.298.196 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 842.409.691 | 762.876.558 |
| Thuế phí và lệ phí | 29.374.156 | 3.079.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.167.789.045 | 7.346.890.381 |
| Chi phí bằng tiền khác | 242.934.102 | 586.172.605 |
| Tổng | 20.461.607.503 | 18.789.293.733 |

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|------------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập khác | | |
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 96.508.236 | 372.319.669 |
| Thu nhập khác | 10.243.893 | 54.240 |
| Tổng | 106.752.129 | 372.373.909 |
| Chi phí khác | | |
| Tiền phạt, chậm nộp | 1.394.761.021 | 1.276.880.873 |
| Chi phí khác | - | 22.132.221 |
| Tổng | 1.394.761.021 | 1.299.013.094 |
| Thu nhập khác/chi phí khác (thuần) | (1.288.008.892) | (926.639.185) |

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (12.965.183.006) | (5.013.776.909) |
| + Các khoản điều chỉnh tăng | 1.394.761.021 | 1.276.880.873 |
| <i>Các khoản chi phí phạt</i> | <i>1.394.761.021</i> | <i>1.276.880.873</i> |
| Tổng thu nhập tính thuế | (11.570.421.985) | (3.736.896.036) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | (12.965.183.006) | (5.013.776.909) |
| Các khoản điều chỉnh | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | (12.965.183.006) | (5.013.776.909) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu) | 9.300.000 | 9.300.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | (1.394) | (539) |

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 31.102.694.005 | 33.643.752.096 |
| Chi phí nhân công | 29.255.121.406 | 31.069.165.579 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.903.282.495 | 3.926.010.991 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.255.662.045 | 17.382.588.249 |
| Chi phí khác bằng tiền | 13.276.582.865 | 11.250.324.992 |
| Tổng | 93.793.342.816 | 97.271.841.907 |

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty

| Bên liên quan | Mối liên hệ |
|--|--------------------|
| Công ty CP Đầu tư Thương mại Thái Bình | Cổ đông lớn |
| Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt | Ảnh hưởng đáng kể |

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|----------------------------|-----------------|-----------------|
| | | VND | VND |
| Lương và thù lao của Hội đồng | | | |
| Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | Lương và thù lao | 801.109.100 | 904.221.100 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và người quản lý

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|------------------|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Nguyễn Văn Khiêm | Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc | 168.853.200 | 214.218.300 |
| Bùi Tất Thắng | Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc | 149.464.700 | 181.651.800 |
| Nguyễn Bích Thủy | Thành viên HĐQT | 107.313.500 | 137.103.200 |
| Vương Hải Long | Phó Tổng Giám Đốc | 146.915.900 | 183.028.800 |
| Phạm Văn Trường | Kế toán trưởng | 125.108.300 | 59.353.800 |

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|-------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| Nguyễn Thị Ngoan | Trưởng BKS | 103.453.500 | 128.865.200 |
| Lê Thị Thanh Thủy | Thành viên BKS | - | - |
| Nguyễn Quốc Cường | Thành viên BKS | - | - |

Giao dịch với các bên liên quan:

| Nội dung | Tính chất giao dịch | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty CP Đầu tư Thương mại Thái Bình | Vay | 6.800.000.000 | - |

Số dư với các bên liên quan:

| Nội dung | Mối quan hệ | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--|-------------|----------------------|-------------------|
| Vay ngắn và dài hạn | | 6.800.000.000 | - |
| Công ty CP Đầu tư Thương mại Thái Bình | Cổ đông lớn | 6.800.000.000 | - |

7.2 Các khoản cam kết

Công ty đang thuê đất trả tiền hàng năm tại các địa điểm như sau:

- Thuê đất tại số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 413/24599/ĐC-NQ-HĐTD ngày 29/10/1999 với Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 01/01/2016. Hiện tại, Công ty đang làm các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất.
- Thuê đất tại khu công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/08/2011 cho Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình (nay là Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình). Thời gian thuê đến hết ngày 12/10/2054.
- Thuê đất tại phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/12/2016 cho Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình. Thời hạn thuê đến ngày 01/01/2036.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin khác

Theo Văn bản số 4280/UBND-KHTH ngày 19/12/2024 của UBND Thành phố Hà Nội và Văn bản số 8198/STC-TCĐN ngày 26/12/2024 của Sở Tài chính Hà Nội về việc triển khai thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp thuộc UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn đến hết năm 2025 thoái toàn bộ vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình với số cổ phần là 63.858 cổ phần (tương ứng với 68,66% vốn điều lệ). Dự kiến thời gian hoàn thành phương án chuyển nhượng là Quý III năm 2025.

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Phạm Văn Trường

Kế toán trưởng

Phạm Văn Trường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khiêm

